

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG HỒ  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08/3/2021

V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Ánh Tuyết**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Trần Văn Hưng**

2. Ông **Lê Việt Hùng**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thế Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:* Ông **Phan Thanh Hào** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 527/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Cao Trường T**, sinh năm 1987

Địa chỉ: 37/2C khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Chị **Trần Thị Bé H**, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: 89/5 ấp P, xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Cao Trường T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Qua quen biết tìm hiểu nhau anh Cao Trường T và chị Trần Thị Bé H đã tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo tập quán, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/4/2013 tại UBND phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Thời gian sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, bản thân anh T đã nhiều lần cố gắng khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng vẫn không được. Anh T và chị H đã không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho

đến nay. Nay anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Cao Trường T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Bé H.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Cao Ngọc M, sinh ngày 21/02/2013. Hiện nay con chung đang sống cùng với anh T. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, đồng thời không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Trần Thị Bé H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không có bản khai ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

*Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn anh Cao Trường T trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện.

- Bị đơn chị Trần Thị Bé H vắng mặt không có lý do.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 điều 28, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điều Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Cao Trường T được ly hôn với chị Trần Thị Bé H.

- Về con chung: Giao cháu Cao Ngọc M, sinh ngày 21/02/2013 cho anh T nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.
- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc anh T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Nguyên đơn anh Cao Trường T khởi kiện về việc xin ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn với chị Trần Thị Bé H có địa chỉ tại ấp P, xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Trần Thị Bé H được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn Trần Thị Bé H.

#### **[2] Về nội dung:**

- Về quan hệ hôn nhân: Qua quen biết tìm hiểu nhau anh Cao Trường T và chị Trần Thị Bé H đã tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 09/4/2013 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang là phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Cao Trường T, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Cao Trường T và chị Trần Thị Bé H chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ năm 2018 đến nay. Tại phiên tòa, anh T xác định anh không còn tình cảm với chị H và vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị H. Từ đó cho thấy, giữa anh T và chị H đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó anh Cao Trường T yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Bé H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Cao Ngọc M, sinh ngày 21/02/2013 hiện do anh T nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đồng thời không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Trong quá

trình giải quyết vụ án, cháu Cao Ngọc M có trình bày trong “Biên bản lấy lời khai” đề ngày 28/12/2020, trong trường hợp cha và mẹ cháu ly hôn với nhau thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục chung sống cùng với cha là Cao Trường T. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống của cháu M cũng như dựa trên nguyện vọng của cháu nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của anh T. Giao cháu Cao Ngọc M cho anh Cao Trường T được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh Cao Trường T không yêu cầu chị Trần Thị Bé H cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Cao Trường T là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí giải quyết vụ án hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Cao Trường T.

Cho anh Cao Trường T được ly hôn với chị Trần Thị Bé H.

2. Về con chung: Giao cháu Cao Ngọc M, sinh ngày 21/02/2013 cho anh Cao Trường T được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục, đồng thời chị Trần Thị Bé H không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, chị Trần Thị Bé H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Buộc anh Cao Trường T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm nghìn

đồng) tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai thu số 0006267 ngày 20/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên trực tiếp giải quyết theo thủ tục phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thị Ánh Tuyết**